

Số: 415/BC-VHTC

Hạ Long, ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Ha Tu Coal Joint Stock Company.
 - + Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin.
 - + Tên tiếng Anh: Vinacomin - Ha Tu Coal Joint Stock Company.
 - + Tên viết tắt: VHTC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 57001010323, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2006, thay đổi lần thứ 9 ngày 19/01/2017 tại Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh.
- Vốn điều lệ: 245.690.520.000 VNĐ (bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 245.690.520.000 VNĐ (bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).
- Địa chỉ: Tổ 6 Khu 3, Phường Hà Tu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Số điện thoại: (0203).3835169;
- Fax: (0203).3836120;
- Email: thanhatu@hatucoal.vn;
- Website: www.hatucoal.vn.
- Mã cổ phiếu: THT.

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin tiền thân là mỏ than Hà Tu, là Doanh nghiệp nhà nước, thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty Than Việt Nam (nay đổi tên thành Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam). Công ty được thành lập theo quyết định số 2602/QĐ - TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp, đăng ký kinh doanh số 110947 ngày 14/10/1996 của UBND Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/10/1996.

Ngày 01/10/2001 Hội đồng quản trị Tổng công ty than Việt Nam ban hành quyết định số 405/QĐ-HĐQT đổi tên Mỏ Than Hà Tu thành Công ty Than Hà Tu.

Năm 2006 Công ty thực hiện cổ phần hoá và chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần than Hà Tu theo Quyết số 2062/QĐ-BCN ngày 09/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Than Hà Tu thành Công ty cổ phần Than Hà Tu - TKV. Công ty đã được sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700101323 ngày 25 tháng 12 năm 2006 với mức vốn điều lệ 91.000.000.000 đồng (Chín mươi một tỷ đồng).

Ngày 01 tháng 01 năm 2007 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%.

Ngày 24/10/2008 Công ty chính thức được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX).

Ngày 08 tháng 9 năm 2010 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Than Hà Tu – Vinacomin.

Ngày 02/4/2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 91 tỷ đồng lên 136,5 tỷ đồng, bằng phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Sau khi hoàn thiện phương án phát hành theo quy định của pháp luật, ngày 19/7/2012 Công ty chính thức niêm yết và đưa vào giao dịch số cổ phiếu niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng: 4.549.738 cổ phiếu, đã nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 13.649.738 cổ phiếu với tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (theo mệnh giá) là 136.479.380.000 đồng.

Ngày 25/4/2016 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 136,5 tỷ đồng lên 245,7 tỷ đồng, bằng phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Sau khi hoàn thiện phương án phát hành theo quy định của pháp luật, ngày 19/8/2016 Công ty chính thức niêm yết và đưa vào giao dịch số cổ phiếu niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng: 10.919.314 cổ phiếu, đã nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết lên 24.569.052 cổ phiếu với tổng giá trị cổ phiếu niêm yết (theo mệnh giá) là 245.690.520.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|--------------|
| 01 | Khai thác và thu gom than cứng | 0510 (Chính) |
| 02 | Khai thác và thu gom than non | 0520 |
| 03 | Khai thác và thu gom than bùn | 0892 |
| 04 | Khai thác quặng và các kim loại không chứa sắt. | 0722 |
| 05 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | 0810 |
| 06 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác | 0990 |
| 07 | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ | 4933 |
| 08 | Kho bãi và lưu trữ hàng hoá | 5210 |
| 09 | Thoát nước và xử lý nước thải | 3700 |
| 10 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3600 |
| 11 | Sửa chữa máy móc thiết bị | 3312 |
| 12 | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn | 3311 |
| 13 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
| 14 | Sửa chữa thiết bị điện | 3314 |
| 15 | Sửa chữa thiết bị khác | 3319 |
| 16 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 17 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
| 18 | Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ | 02102 |
| 19 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 20 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 21 | Sản xuất các loại bánh từ bột | 1071 |
| 22 | Hoạt động các cơ sở thể thao | 9311 |
| 23 | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | 3510 |

- Địa bàn kinh doanh:

+ Phường Hà Tu - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh;

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:**

+ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó 03 thành viên không tham gia điều hành.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

+ Ban Giám đốc điều hành: 06 thành viên. Trong đó, 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, 01 Phó Giám đốc phụ trách Kỹ thuật - Môi trường và dự án, 01 Phó Giám đốc phụ trách Cơ điện - Vận tải, 01 Phó Giám đốc phụ trách về Tài chính kinh tế, 01 Kế toán trưởng.

+ Các Công trường, Phân xưởng, Phòng ban:

- **Cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại:**

| | |
|--|---------------------------------|
| 01- Văn phòng | 08- Phòng Vận tải |
| 02- Phòng Tổ chức Lao động | 09- Phòng An toàn |
| 03- Phòng Thanh tra, Pháp chế & Bảo vệ Quân sự | 10- Phòng Kỹ thuật công nghệ mô |
| 04- Phòng Kế hoạch & Quản trị chi phí | 11- Phòng Đầu tư & Môi trường |
| 05- Phòng Vật Tư | 12- Phòng Trắc địa - Địa chất |
| 06- Phòng Kế toán, Thống kê, Tài chính | 13- Phòng KCS |
| 07- Phòng Cơ điện | 14- Phòng Điều khiển sản xuất |

- **Các Công trường, Phân xưởng hiện tại:**

| | |
|---------------------------------------|---------------------------------|
| 01- Công trường Via Trụ | 07- Phân xưởng sửa chữa Ô tô |
| 02- Công trường Via 7&8 | 08- Phân xưởng sửa chữa Cơ điện |
| 03- Công trường Khoan | 09- Phân xưởng Xe 1 |
| 04- Công trường Than | 10- Phân xưởng Xe 2 |
| 05- Công trường Bơm nước và làm đường | 11- Phân xưởng Xe 5 |
| 06- Phân xưởng Dịch vụ tổng hợp | 12- Phân xưởng Xe 7 |

4. Định hướng phát triển

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

Phấn đấu xây dựng Công ty trở thành một Công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phấn đấu xây dựng mỏ Than Hà Tu - Vinacomin trở thành mỏ AN TOÀN, XANH, SẠCH, ĐẸP và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững.

Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ: Triển khai dự án duy trì và phát triển mỏ giai đoạn sau năm 2018, đẩy nhanh tiến độ bốc xúc đá đá xây dựng cơ bản thuộc Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh với công suất mỏ dự kiến

3,3 triệu tấn than/năm. Tăng cường triển khai các dự án phát triển và mở rộng sản xuất của Công ty trong tình hình mới.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2018, tình hình SXKD của toàn Tập đoàn có nhiều thuận lợi, như: Nhu cầu tiêu thụ của các hộ tiêu thụ than, khoáng sản alumin và các khoáng sản khác đều tăng cao, giá bán khoáng sản tăng. Tập đoàn đã đẩy mạnh sản xuất để đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ than cho nền kinh tế, đặc biệt là cho sản xuất điện. Vì vậy, việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty cũng có nhiều thuận lợi như: Nhu cầu tiêu thụ tăng cao, sản lượng than sẵn sàng và tồn kho cùng các chủng loại than đều phù hợp với nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, Công ty còn gặp không ít khó khăn về thiết bị như: Thiết bị thuê ngoài tham gia mượn, điều kiện làm việc khó khăn hơn, trong khi hầu hết các thiết bị xe máy của Công ty đã hết khấu hao, dẫn tới các thiết bị không phát huy được năng suất, hoạt động chưa ổn định và thực hiện chi phí còn tăng ...

Trước tình hình đó, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, xây dựng các chương trình hành động cụ thể như phát động thi đua 90 ngày đêm rộng khắp tới toàn cán bộ CNV trong toàn Công ty, xây dựng các chương trình trọng điểm và giao trách nhiệm cho từng cá nhân, tập thể phụ trách, bên cạnh đó Công ty còn cải tiến phương pháp giao ban hàng ngày theo hướng đánh giá nguyên nhân và giải pháp tháo gỡ khó khăn, tổ chức làm việc tháo gỡ vướng mắc cho các đội xe, do vậy kết quả SXKD năm 2018 của Công ty đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong thời gian sớm nhất.

Trong năm, ban lãnh đạo điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Công ty đã tăng cường công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, kết quả SXKD năm 2018 đã có lãi, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 100 tỷ đồng, đảm bảo cổ tức và các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Tóm tắt lý lịch của Ban giám đốc điều hành: (Chi tiết như phụ lục số 01).

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2018 Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin có thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

- Ông Nguyễn Mạnh Cường - Phó giám đốc nghỉ điều hành từ ngày 21/02/2018 để nghỉ hưu theo Luật Lao động và Luật Bảo Hiểm xã hội Việt Nam, kể từ ngày 01/3/2018; Thay thế ông Nguyễn Mạnh Cường là ông Trần Quốc Toàn - Trưởng phòng Điều kiện sản xuất, được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty kể từ ngày 21/02/2018, đồng thời làm Giám đốc điều hành mỏ theo giấy phép khai thác số 2575/GP-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty ngày 15/8/2018, kể từ ngày 22/11/2018.

- Ông Ong Thế Minh - Phó giám đốc Công ty thôi giữ chức vụ Phó giám đốc để chuyển sang làm Chủ tịch Công đoàn chuyên trách của Công ty kể từ ngày 01/3/2018; Thay thế ông Ong Thế Minh là ông Nguyễn Quang Quảng - Nguyên là Phó trưởng ban Kế hoạch Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về Công ty công tác được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty kể từ ngày 01/3/2018.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng lao động tính đến hết 31/12/2018 là 1833 người trong đó nữ 558 người chiếm tỷ lệ 30,4%. Lao động công nghệ 849 người chiếm tỷ lệ 46,32%; Lao động phục vụ phụ trợ 753 người chiếm tỷ lệ 41,08%; Lao động gián tiếp 224 người chiếm tỷ lệ 12,22%; Viên chức quản lý 07 người chiếm tỷ lệ 0,38%.

- Về chất lượng lao động, hiện Công ty đang sử dụng số lao động có trình độ chuyên môn như sau:

- + Thạc sỹ: 07 người chiếm tỷ lệ 0,38% tổng số lao động;
- + Đại học: 413 người chiếm tỷ lệ 22,54% tổng số lao động;
- + Cao đẳng: 46 người chiếm tỷ lệ 2,51% tổng số lao động;
- + Công nhân kỹ thuật: 1.210 người chiếm tỷ lệ 66,01% tổng số lao động;
- + Lao động thủ công: 157 người chiếm tỷ lệ 8,56% tổng số lao động.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.

Các dự án, hạng mục công trình Công ty lập và trình duyệt theo đúng quy định của Pháp luật, quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Công ty đã mang lại hiệu quả thiết thực, tham gia sản xuất góp phần thực hiện hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2018, chuẩn bị kịp thời thực hiện kế hoạch năm 2019 và các năm tiếp theo. Trong năm 2018 các dự án, hạng mục công trình đầu tư xây dựng của Công ty đã thực hiện được: 233.789 triệu đồng/kế hoạch 304.976 triệu đồng đạt 76,7% kế hoạch giao, tiết kiệm được 888 triệu đồng so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trong các công trình khởi công mới trong năm 2018 chủ yếu là Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh. Thực hiện đến hết năm 2018, Công ty đã triển khai xong công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn theo kế hoạch được giao, một số gói thầu đã bàn giao đưa vào sử dụng và thanh quyết toán, một số gói thầu đang tiếp tục triển khai thực hiện. Tình hình giải ngân đến nay được 170.078 triệu đồng/238.772 triệu đồng đạt 71,23%. (Bao gồm phí cấp quyền khai thác 124.785 triệu đồng, tạm ứng chi phí lập TKKT dự án 11.284 triệu đồng và phí thẩm định ĐTM 82 triệu đồng, tạm ứng 02 máy xúc 10.752 triệu đồng, tạm ứng 06 xe oto vận chuyển tài trọng 90-100T 11.959 triệu đồng và một số gói thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án với giá trị 10.121 triệu đồng).

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2017 | % tăng giảm |
|-----------------------------|------|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | đồng | 862.362.295.150 | 717.859.971.506 | 20,13 |
| Doanh thu thuần | đồng | 2.820.416.888.861 | 2.062.523.747.566 | 36,75 |
| Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | đồng | 96.002.958.520 | 30.243.236.923 | 217,44 |
| Lợi nhuận khác | đồng | 4.651.541.532 | 5.181.464.563 | -10,23 |
| Lợi nhuận trước thuế | đồng | 100.654.500.052 | 35.424.701.486 | 184,14 |
| Lợi nhuận sau thuế | đồng | 80.639.693.744 | 28.754.754.680 | 180,44 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng | 3.282 | 1.170 | 180,51 |
| Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ | % | 8 | 7 | 14,29 |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2017 | Ghi chú |
|-----|---|----------|----------|---------|
| | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| 1 | + Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,06 | 0,97 | |
| | + Hệ số thanh toán nhanh | 0,60 | 0,09 | |
| | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| 2 | + Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0,61 | 0,59 | |
| | + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 2,12 | 1,72 | |
| | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| 3 | + Vòng quay hàng tồn kho: | 13,72 | 5,07 | |
| | + Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ | 9,31 | 6,49 | |
| | + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 3,27 | 2,87 | |
| | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| 4 | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 2,86 | 1,39 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu BQ | 32,45 | 11,57 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ | 10,21 | 4,18 | |
| | + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần | 3,40 | 1,47 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. **Cổ phần:** Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 24.569.052 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 26/02/2019:

- Cổ đông trong nước: Sở hữu 22.900.892 cổ phần chiếm 93,21%; Với:
 - + Cổ đông tổ chức sở hữu 15.537.562 cổ phần chiếm 63,24%;
 - + Cổ đông cá nhân sở hữu 7.363.330 cổ phần chiếm 29,97%.
- Cổ đông nước ngoài: Sở hữu 1.668.160 cổ phần chiếm 6,79%. Với:
 - + Cổ đông tổ chức sở hữu 1.452.890 cổ phần chiếm 5,91%;
 - + Cổ đông cá nhân sở hữu 215.270 cổ phần chiếm 0,88%.
- Cổ đông lớn:
 - + Tập đoàn Vinacomin sở hữu: 15.520.664 cổ phần chiếm 63,17%;
 - + Ông Phạm Uyên Nguyên sở hữu: 1.250.400 cổ phần chiếm 5,09%.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (có thay đổi)

Thực hiện Quyết định số 314/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 07/02/2013 phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) giai đoạn 2012 - 2015 và thực hiện Quyết định số 2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020. Theo đó TKV phải đảm bảo nắm giữ 65% vốn điều lệ đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác than. Vì vậy, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin, đã triển khai xây dựng phương án và tiến hành thực hiện chào mua công khai cổ phiếu Công ty cổ phần Than Hà Tu -

Vinacomin tại văn bản số 5453/TKV-KTTC, ngày 16/10/2018 của Tổng giám đốc Tập đoàn với số lượng thực hiện chào mua 3.439.184 cổ phiếu, tương ứng với 14% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của cổ phiếu Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin (THT), để nâng tỷ lệ nắm giữ của TKV lên 65% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin, thời gian thực hiện chào mua kể từ ngày 16/10/2018 đến ngày 10/12/2018.

Theo báo cáo kết quả đợt chào mua công khai cổ phiếu Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, kết thúc đợt chào mua TKV chỉ mua được số lượng 2.989.964 cổ phiếu do đó đã nâng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin từ 12.530.700 cổ phần tương ứng tỷ lệ nắm giữ 51% vốn điều lệ, lên 15.520.664 cổ phần tương ứng với tỷ lệ nắm giữ 63,17% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.

Như vậy sau đợt chào mua công khai cổ phiếu này, TKV chưa đạt được mục tiêu sở hữu 65% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin. Chính vì vậy Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã có Quyết định và văn bản gửi Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin đề nghị lấy ý kiến cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, tổ chức vào ngày 28/3/2019 sắp tới về việc TKV tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin lên mức 65% vốn điều lệ của Công ty, mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có;

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Quản lý nguồn tài nguyên:

Hiện tại Công ty đang khai thác theo 02 giấy phép của Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp đó là:

- Giấy phép khai thác số 3195/GP-BTNMT ngày 30/12/2014 của Bộ Tài nguyên & môi trường cấp cho Dự án mở rộng khai thác lộ thiên của Công ty, trữ lượng địa chất huy động 6.351.000 tấn, trữ lượng địa chất 5.644.000 tấn. Tính đến 31/12/2018 trữ lượng huy động còn lại là 581.254 tấn, trữ lượng địa chất còn 484.000 tấn tương ứng với sản lượng Than nguyên khai là 650.000 tấn. Trong năm 2017 sản lượng khai thác được 1.808.198 tấn than nguyên khai. Chất lượng than khai thác đạt Ak 35,69%, hệ số thu hồi được 89,93%. Giấy phép này hết hạn vào ngày 31/12/2018. Tuy nhiên Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường gia hạn tại văn bản số 313/GP-BTNMT ngày 12/02/2019 và để kết thúc vào ngày 31/12/2019.

- Giấy phép khai thác số 2575/GP-BTNMT được cấp ngày 15/8/2018 trong đó trữ lượng địa chất là 20.352.000 tấn, trữ lượng huy động là 26.000.000 tấn, tương ứng với sản lượng nguyên khai là 23.000.000 tấn. Giấy phép chính thức đi vào khai thác từ năm 2019 với sản lượng kế hoạch năm đầu là 300.000 tấn.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Hiện tại các thiết bị tiêu thụ điện của Công ty như: Máy khoan, máy xúc, máy bơm nước và các thiết bị sang tuyển than đều được trang bị các hệ thống khởi động mềm và các thiết bị chiếu sáng đã chuyển sang sử dụng các loại bóng đèn công nghệ mới tiết kiệm điện. Sản lượng điện năng tiêu thụ năm 2018 là 20.941.248 Kwh. Dầu Diesel tiêu thụ 11.284.640 lít. Xăng tiêu thụ 53.370 lít. Khí gas tiêu thụ tổng số 21,67 tấn. Tổng năm lượng tiêu thụ trong năm quy đổi tương đương 13.230 TOE (đơn vị năng lượng).

Trong năm 2018 Công ty đã tiết kiệm về nhiên liệu được 2% tương đương với 3,524 tỷ đồng và điện năng tiết kiệm 1% tương đương 329 triệu đồng.



6.3. Tiêu thụ nước:

Trong năm 2018 Công ty khai thác tầng nước sâu, sử dụng giếng bơm để phục vụ sinh hoạt hơn: 311.190 m³.

Lượng nước thải mỏ được đưa lên qua 02 trạm xử lý nước thải với công suất 36.000m³/ngày đêm. Nước được xử lý thông qua trạm xử lý nước thải trong năm 2018 đạt: 1.129.387 m³. Nước sau khi sử dụng đạt tiêu chuẩn sẽ được tận dụng để phục vụ công tác tưới đường đập bụi, vệ sinh công nghiệp cho các công trường, phân xưởng và phục vụ công tác tưới cây để cải tạo, phục hồi môi trường các bãi thải mỏ. Năm 2018 tỷ lệ tổng nước tái chế và tái sử dụng đạt 50%, lượng nước đã qua xử lý không sử dụng hết sẽ được xả ra ngoài môi trường.

6.4. Tuân thủ Pháp luật:

Công ty trong năm 2018 không vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan tới người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đủ chế độ Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ. Khen ngợi các nhân viên có thành tích tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức các chuyến đi thăm quan nghỉ mát, học tập; Tổ chức tặng quà cho con em cán bộ công nhân viên trong các dịp Tết trung thu, ngày Quốc tế Thiếu nhi. Công ty tin rằng đời sống ổn định và sự an tâm về mặt tinh thần sẽ giúp người lao động có thêm động lực trong lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công tác môi trường đã được Công ty chú trọng và đầu tư lớn để bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác. Công ty đã chi cho công tác môi trường trong năm 2018 nhiều tỷ đồng; Ngoài ra Công ty đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường của dự án đầu tư phát triển mỏ; Có giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường để phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường tổng số tiền hơn 110 tỷ đồng.

Để chấp hành đúng quy định pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường Công ty đã phối hợp với UBND phường Hà Phong để quản lý tuyến hạ lưu suối Lộ Phong. Năm 2018 Công ty đã hỗ trợ UBND phường Hà Phong nạo vét, khơi thông dòng chảy suối Lộ Phong phục vụ công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn. Bên cạnh đó Công ty còn xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường cho nhân dân sinh sống xung quanh khu vực nhà văn hóa Công ty. Năm 2018 Công ty đã thực hiện thi công công trình sửa chữa tuyến đường rãnh thoát nước khu vực phía sau nhà văn hóa công nhân với tổng số tiền 172,3 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (Không có)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, Công ty gặp khá nhiều thuận lợi như: Nhu cầu tiêu thụ của các hộ tiêu thụ than đều tăng cao, giá bán tăng, do đó Công ty đã đẩy mạnh được sản xuất để đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ than cho Tập đoàn và nền kinh tế, bên cạnh đó Công ty đã chủ động đưa ra nhiều giải pháp tổ chức, điều hành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác quản trị chi phí. Vì vậy năm qua Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018:

- Về doanh thu: Tổng doanh thu của Công ty đạt 2.830,6/2.643,3 tỷ đồng bằng 107,1% kế hoạch theo Nghị quyết, của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra và đạt 100,2% kế hoạch điều hành. Trong đó: Doanh thu từ sản xuất than: 2.808,2 tỷ đồng, doanh thu khác 22,3 tỷ đồng.

- Về lợi nhuận: Tổng lợi nhuận toàn Công ty đạt 100,5/20,3 tỷ đồng bằng 494,4% kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Lợi nhuận của Công ty đạt cao do Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm.

- Về lao động và tiền lương: Lao động sử dụng bình quân năm 2018 là 1.966 người bằng 100% kế hoạch, số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2018 là 1.833 người bằng 95,5% kế hoạch. Công ty đã thường xuyên rà soát lao động tại các khâu, các vị trí để bố trí phù hợp, đảm bảo cho người lao động của Công ty luôn có việc làm và thu nhập ổn định. Trong năm 2018, nhờ thực hiện tốt các giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao chất lượng than khai thác, do đó đã tạo thêm nguồn để tăng thu nhập cho người lao động, Tiền lương bình quân: 9,2/7,3 triệu đồng/người/tháng bằng 126% kế hoạch theo Nghị quyết, của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

- Về Than nguyên khai: Thực hiện đạt 1.808/1.800 nghìn tấn, đạt 100,5% kế hoạch theo Nghị quyết, của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

- Về bóc xúc đất đá: Đạt 23,2/22,5 triệu m³ bằng 103,5% kế hoạch theo Nghị quyết, của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra và bằng 99,1% kế hoạch điều hành.

- Về Than sạch chế biến từ nguồn đất đá lẫn than: Thực hiện đạt 226,4/160 ngàn tấn, đạt 141,5% so với kế hoạch theo Nghị quyết, của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

- Về tiêu thụ than: Thực hiện đạt 2.123/2.017 ngàn tấn đạt 105,2% kế hoạch đầu năm. Trong đó: Than nguyên khai sơ tuyển 843/800 ngàn tấn bằng 105,4%; Than sạch 1.280/1.217 ngàn tấn bằng 105,1% kế hoạch đầu năm.

2. Các giải pháp trong điều hành sản xuất và quản trị chi phí:

a. Về công tác tổ chức ĐHSX, quản lý kỹ thuật và chế biến tiêu thụ:

Công ty đã ban hành các văn bản chỉ đạo để tăng cường công tác điều hành sản xuất phù hợp với tiến độ tiêu thụ của Tập đoàn, tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, quản lý tài nguyên, quản trị chi phí, quản lý sàng chế biến và bảo vệ kho tàng nhằm mục tiêu giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng tối đa lợi nhuận và nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

Quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật, công nghệ như: Hệ số bóc, cung độ vận chuyên, hệ số sử dụng mét khoan, suất phá đá, tỷ lệ đất đá làm tối; thường xuyên theo dõi, cập nhật, điều hành đảm bảo kế hoạch và bám sát các Ban của Tập đoàn để kịp thời điều chỉnh khi có các yếu tố khách quan.

Tổ chức rà soát lại các công đoạn sản xuất chế biến, sàng tuyển than để đề ra các giải pháp:

- Tận dụng các nguồn đất đá lẫn than phát sinh trong quá trình khai thác để đưa vào chế biến với mục tiêu tăng sản lượng than có giá thành thấp để tăng doanh thu, lợi nhuận. Trong năm 2018 Công ty đã sản xuất tăng thêm 226.400 tấn than sạch từ nguồn đất đá lẫn than.

- Sử dụng các thiết bị phù hợp xúc chọn lọc than tại vỉa đã làm góp phần tăng chất lượng than nguyên khai, sử dụng hệ thống sàng kết hợp với tuyển nước đã nâng cao được chất lượng than chế biến.



b. Công tác quản trị và tiết giảm chi phí:

Trong năm Công ty đã đàm phán với các nhà cung cấp vật tư; cung cấp dịch vụ sửa chữa, gia công phục hồi... để giảm giá đồng thời tìm kiếm thêm các bạn hàng uy tín. Xây dựng đơn giá thuê ngoài giảm được 10% so với đơn giá công đoạn Tập đoàn giao. Rà soát tiết giảm định mức vật tư, chi phí sửa chữa thường xuyên, chi phí điện năng ... tổ chức cập nhật chi phí hàng ngày tại các đơn vị, hàng tháng tổ chức nghiệm thu khoán chi phí cho các đơn vị nên đã tạo được ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty. Do đó năm 2018 thực hiện khoán chi phí nội bộ đã giảm được hơn 70,7 tỷ đồng.

c. Công tác lao động tiền lương và chế độ người lao động:

Về tiền lương và thu nhập người lao động: Năm 2018, Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp và tổ chức triển khai quyết liệt các giải pháp với mục tiêu tăng 5% năng suất lao động. Bên cạnh đó, việc sản xuất tăng 226.400 tấn than sạch chế biến từ nguồn đất đá lẫn than đã tạo thêm việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Về cơ cấu lao động: Số lượng lao động tính đến hết 31/12/2018 là 1833 người trong đó nữ 558 người chiếm tỷ lệ 30,4%. Lao động công nghệ 849 người chiếm tỷ lệ 46,32%; Lao động phục vụ phụ trợ 753 người chiếm tỷ lệ 41,08%; Lao động gián tiếp 224 người chiếm tỷ lệ 12,22%; Viên chức quản lý 07 người chiếm tỷ lệ 0,38%.

Trong năm 2018, Công ty đã tích cực rà soát, sắp xếp lại lao động ở các khâu đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Tổng số lao động trong năm đã giảm tuyệt đối so với đầu năm là 176 người (trong đó lao động tăng 25 người, lao động giảm 201 người). Như vậy so với đầu năm 2018 cơ cấu lao động có sự thay đổi nhỏ trong đó lao động trực tiếp tăng 2,59%, lao động phục vụ phụ trợ giảm 2,94%, lao động gián tiếp tăng 0,32%. Tuy nhiên cơ cấu lao động các khâu vẫn còn bất hợp lý so với tỷ trọng Tập đoàn giao.

Công ty đã thực hiện việc tái cơ cấu, hoàn thiện tổ chức, sắp xếp, sát nhập một số phòng ban, Công trường với mục tiêu giảm các đầu mối quản lý điều hành, tinh gọn bộ máy theo hướng giảm khối lượng quản lý và phục vụ phụ trợ. Các chính sách đối với người lao động như chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ, chế độ Bảo hiểm xã hội, trang bị bảo hộ lao động, đảm bảo môi trường làm việc được Công ty thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước.

d. Công tác sửa chữa lớn TSCĐ và đầu tư xây dựng:

Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2018: Dự án được tập đoàn giao/ thông qua với giá trị 33.029 triệu đồng, trong năm 2018 Công ty đã thực hiện lựa chọn nhà thầu tổng số 7/8 gói thầu với giá trị 30.901 triệu đồng, đạt 93,55% kế hoạch giao.

e. Các hoạt động SXKD ngoài than:

Khai thác quặng tại Tân rai – Lâm Đồng: Theo yêu cầu của Tập đoàn, từ năm 2014 Công ty đã dùng ký hợp đồng khai thác quặng nguyên khai với Công ty Nhóm Lâm Đồng, toàn bộ số thiết bị và khu nhà xưởng tại Tân Rai Công ty đã cho Công ty Môi trường - TKV thuê lại. Trong thời gian tới, theo hướng dẫn, chỉ đạo của Tập đoàn, Công ty sẽ cho bán thanh lý toàn bộ số thiết bị (gồm 11 xe Volvo và 01 máy xúc).

Phân xưởng dịch vụ tổng hợp: Tình hình kinh doanh của Phân xưởng DVTH gặp nhiều khó khăn do các dịch vụ trên cùng địa bàn được mở ra cạnh tranh, lượng khách cũng bị chia sẻ không nhỏ. Tuy nhiên, Phân xưởng DVTH vẫn bố trí ổn định việc làm và thu nhập cho 36 lao động của đơn vị đảm bảo thu nhập cho người lao động, góp phần giảm lao động phục vụ phụ trợ của Công ty.

3. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Tài sản cố định của Công ty trong năm 2018 có chuyển dịch rõ ràng (Tài sản



dài hạn tăng 6,01% so với năm 2017), do Công ty đang chuẩn bị các bước đầu tư cho dự án Bắc Bàng Danh (Đầu tư máy móc thiết bị 42,7 tỷ đồng, nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản 124,7 tỷ đồng).

Trong năm Công ty đã sử dụng tài sản cố định với hiệu quả cao, cơ cấu hợp lý, 01 đồng tài sản mang lại 10 đồng lợi nhuận tăng 60% so với năm 2017. Việc đầu tư tài sản cố định của Công ty là hoàn toàn đúng đắn. Công tác theo dõi trích khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b. Tình hình nợ phải trả:

Trong năm Công ty thu xếp cân đối nguồn tiền thanh toán trả khách hàng, nộp các khoản nghĩa vụ ngân sách nhà nước, trả lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng thời gian quy định. Năm 2018 khoản vay dài hạn tăng 124 tỷ đồng để nộp phí cấp quyền cho dự án Bắc Bàng Danh nên nợ dài hạn tăng. Còn các khoản nợ ngắn hạn của Công ty bằng năm 2017. Hệ số nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu theo kế hoạch: 3 lần, Công ty đạt 2,12 lần giảm 0,88 lần.

c. Tình hình nợ phải thu:

Công nợ phải thu của Công ty chủ yếu là phải thu ngắn hạn, nợ phải thu ngắn hạn đầu năm 2018 là 8,08 tỷ đồng, cuối năm 194,04 tỷ đồng. Phần nợ phải thu trong năm chủ yếu là ở Tập đoàn và một số Công ty trong cùng tập Tập đoàn. Nguyên do là Tập đoàn điều chỉnh hạn mức dư nợ tiền than và bù trừ công nợ giữa các đơn vị trong Tập đoàn. Chính vì vậy trong thời gian tới Công ty sẽ tích cực trong việc đôn đốc, thường xuyên tổ chức đối chiếu thu hồi công nợ, tiến hành phân loại nợ trong và ngoài Tập đoàn để có biện pháp thu hồi dứt điểm công nợ, để giảm chi phí tài chính tăng dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công tác kỹ thuật, điều hành sản xuất đã hoạch định phương hướng sản xuất giữa các khâu trong dây chuyền công nghệ với điều kiện thực tế khai trường mỏ, tạo nên một dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Công ty đã gần hoàn thành kế hoạch sản lượng với hiệu quả kinh tế, xây dựng quy chế chính sách bình đẳng giữa các đơn vị đã phát huy tối đa nội lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

Công tác khoán quản trị chi phí, giá thành sản phẩm ngày càng được tăng cường và giao các chỉ tiêu cụ thể tới từng Công trường, Phân xưởng, cũng như từ các đơn vị sản xuất chính tới các đơn vị phục vụ phụ trợ. Công ty cử riêng một Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc chỉ đạo, quản lý công tác khoán chi phí, thay đổi phương thức khoán, hàng tháng, quý đều có nghiệm thu khoán với từng đơn vị, thường, giảm trừ các chi phí đều minh bạch, công khai nên công tác khoán chi phí năm 2018 tiếp tục được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đánh giá cao.

Trong năm 2018 Công ty đã sắp xếp tinh giảm bộ máy, toàn Công ty còn 14 Phòng ban và 1 Trạm y tế, Số đầu mối các đơn vị sản xuất giảm từ 15 xuống còn 12 đơn vị đầu mối. Ngoài ra Công ty còn tổ chức đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có, đồng thời có kế hoạch thu hút nhân tài để phát triển Doanh nghiệp.

Tổ chức quản lý tài chính một cách chủ động, linh hoạt, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, chủ động khai thác các nguồn vốn vay phục vụ kế hoạch SXKD, tài chính của Công ty lành mạnh.

Công tác quản lý vật tư đã được thực hiện từ việc mua bán và theo dõi cấp phát đến từng thiết bị, thực hiện tốt việc thu cũ đổi mới. Vật tư được cung cấp đầy đủ, kịp thời

đảm bảo cho sản xuất, giá cả hợp lý. Hệ thống kho tàng đã được củng cố đầu tư nâng cấp, hàng hóa được sắp xếp khoa học thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, cấp phát.

Chế độ đối với người lao động: Công ty đã tiến hành triển khai thực hiện theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng, phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành phổ biến qui chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty, qui chế được xây dựng công khai dân chủ; Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất.
- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác chọn lọc và sàng tuyển, chế biến sâu.
- Đẩy nhanh kế hoạch bóc xúc đất đá xây dựng cơ bản thuộc Dự án Bắc Bàng Danh, đảm bảo lấy than theo đúng tiến độ dự án thiết kế.

6. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có
(Kiểm toán độc lập chấp nhận toàn phần).

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty đã thực hiện việc quan trắc môi trường định kỳ mỗi quý một lần, căn cứ kết quả quan trắc Công ty xây dựng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: Tập trung xử lý nước thải công nghiệp; xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; xử lý bụi...

Hàng năm Công ty đặc biệt chú trọng tới Công tác tuyên truyền giáo dục, tổ chức nhiều hoạt động để hưởng ứng ngày lễ môi trường như: Tổ chức trồng cây đầu xuân đời nhớ ơn Bác Hồ, góp phần nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty, hưởng ứng ngày trái đất...

Ngoài ra Công ty còn tổ chức thu gom các loại rác thải sinh hoạt, phân loại để đúng nơi quy định, thu gom nước thải mỏ đưa về trạm xử lý nước thải của Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV để xử lý trước khi đưa ra môi trường tự nhiên. Bên cạnh đó Công ty còn trồng rừng, phục hồi, tái sinh rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học bằng hình thức cải tạo phục hồi môi trường tại các bãi thải, năm 2018 Công ty đã trồng và chăm bón được hơn 23 ha cây keo tại bãi thải Nam Lộ Phòng và các bãi thải khác của Công ty.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đủ chế độ Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ. Khen thưởng các nhân viên có thành tích tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hàng năm Công ty còn trích từ chi phí sản xuất hỗ trợ cho mỗi CBCNV 1,2 triệu đồng/người đi thăm quan nghỉ mát. Ngoài ra trong năm Công ty còn tổ chức 02 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, để kịp thời phát hiện các trường hợp có bệnh hoặc sức khỏe yếu để đưa đi điều trị, phục hồi chức năng tại các cơ sở của Tập đoàn và nhà nước. Công ty tin rằng đời sống ổn định và

sự an tâm về mặt tinh thần sẽ giúp người lao động có thêm động lực trong lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*

Công ty đã phối hợp với đơn vị có chức năng để quan trắc môi trường định kỳ nhằm phát hiện ra các tác động xấu ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Các chỉ tiêu quan trắc đều đáp ứng theo các quy chuẩn: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; TCVN 3985-1999: Tiêu chuẩn chất lượng về tiếng ồn đối với khu vực sản xuất. QCVN 27:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. QCVN: 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. QCVN: 09:2008/BTNMT về chất lượng nước ngầm.

Đối với cộng đồng địa phương Công ty đã có nhiều hỗ trợ, giúp đỡ như:

- Tổng chi mang tính chất phục lợi phục vụ cho CBCNV, hỗ trợ các đơn vị, tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh và thành phố là hơn 7,98 tỷ đồng. Ngoài ra Công ty còn khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức các chuyến thăm quan nghỉ mát học tập, tổ chức tặng quà cho con em cán bộ công nhân viên trong các dịp tết trung thu, ngày quốc tế Thiếu nhi hơn 4,1 tỷ đồng

- Xử lý kịp thời các tình huống gây nguy hại đến môi trường và tham vấn, lấy ý kiến cộng đồng, đã thực hiện xong dự án xây dựng Trạm xử lý nước thải giai đoạn 2, Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh về công tác bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Đánh giá kết quả SXKD, HĐQT nhận định: Năm 2018, Công ty tuy có nhiều thuận lợi trong SXKD như nhu cầu tiêu thụ của các hộ tiêu thụ than tăng mạnh. Nhưng Công ty vẫn còn gặp không ít khó khăn về thiết bị như: Thiết bị thuê ngoài tham gia muợn, điều kiện làm việc khó khăn hơn, trong khi hầu hết các thiết bị xe máy của Công ty đã hết khấu hao, dẫn tới các thiết bị không phát huy được năng suất, hoạt động chưa ổn định và thực hiện chi phí còn tăng ...

Với truyền thống "Kỷ luật đồng tâm" đoàn kết, vượt khó, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo cán bộ công nhân viên, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, xây dựng các chương trình hành động cụ thể như phát động thi đua 90 ngày đêm rộng khắp tới toàn cán bộ CNV trong toàn Công ty, xây dựng các chương trình trọng điểm và giao trách nhiệm cho từng cá nhân, tập thể phụ trách, bên cạnh đó Công ty còn tăng cường công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, nên Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu và nhiệm vụ đề ra, nền tài chính của Công ty lành mạnh, nguồn vốn của Công ty được bảo toàn và phát triển. Kết quả SXKD năm 2018 có lãi, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 100 tỷ đồng, đảm bảo cổ tức và các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định và ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ hiện hành của Công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thật chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn về giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, điều kiện khai thác khó khăn... kinh doanh có lãi. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018 đạt hơn 100,7 tỷ đồng, đảm bảo cổ tức và các

quyền lợi chính đáng cho các cổ đông. Ban giám đốc điều hành đã: Triển khai kế hoạch của Tập đoàn giao, Công ty lập và giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí và giá thành sản phẩm cho các đơn vị trong Công ty theo từng tháng, quý để các đơn vị tổ chức thực hiện. Căn cứ vào kế hoạch đã giao, hàng tháng, quý Công ty đều tổ chức kiểm điểm rà soát lại các chỉ tiêu thực hiện từ cấp Công ty đến các Công trường, Phân xưởng để làm rõ trách nhiệm quản lý, điều hành và điều chỉnh kế hoạch, biện pháp thực hiện tiếp theo nhằm đạt được các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Xây dựng được một cơ chế quản lý, điều hành bình đẳng giữa các đơn vị, phát huy sức mạnh tổng hợp của các đơn vị tổ xe, tổ máy, cá nhân phấn đấu vì mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

Vật tư mua đảm bảo chất lượng theo giá hợp lý và được quản lý, theo dõi chặt chẽ từ khâu mua đến việc cấp phát cho từng đơn vị, đấu thiết bị.

Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả, không có các khoản nợ xấu.

Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký với các đối tác kinh doanh trong năm 2018 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Vinacomin. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tổng Giám đốc tập đoàn Vinacomin trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực. Áp dụng thang bảng lương, chế độ đối với người lao động tiến hành triển khai thực hiện theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá. Tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững, như: Tháng công nhân do Công đoàn quản lý, Đoàn thanh niên tham gia quản lý âm dương đất đá; Công đoàn, Nữ công tham gia, trực tiếp hoạt động phong trào chăm lo chu đáo đời sống cho người lao động...

3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT.

Bổ trí điều hành sản xuất linh hoạt, hợp lý, phù hợp với nhu cầu giao than tiêu thụ. Tìm mọi biện pháp đảm bảo năng lực tự làm theo kế hoạch. Điều hành việc bóc đất ra than đảm bảo đúng tiến độ. Tìm mọi biện pháp để sửa chữa nhanh thiết bị để huy động ra sản xuất.

Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Phấn đấu hoàn thành kế hoạch bóc đất xây dựng cơ bản của Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh thời gian sớm nhất trong năm 2019.

Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cơ cấu và phân bổ lại lực lượng lao động giữa các ngành nghề và khu vực sản xuất theo chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty cần xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.



Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty. Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường công tác chọn lọc than và chế biến sâu tận thu than, quản trị tốt tài nguyên, nâng cao chất lượng sản phẩm nguồn than giao nhận.

Thực hiện tốt công tác Quân sự - Quốc phòng tại địa phương, bảo vệ, giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân, nhằm giảm thiểu tai nạn lao động ở mức thấp nhất một cách vững chắc.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan, sinh động các hoạt động sản xuất, kinh doanh, văn hóa, xã hội của Công ty, nhất là những khó khăn thách thức mà Công ty đang gặp phải... và các tấm gương lao động tiên tiến, vượt khó đi lên để người lao động noi gương và xã hội nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ và các cấp chính quyền địa phương, Tập đoàn kịp thời hỗ trợ.

Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường, phấn đấu xây dựng Công ty trở thành mô Hiện đại - An toàn - Xanh - Sạch - Đẹp. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo. Phát triển nguồn nhân lực, tham gia chương trình xây dựng nông thôn mới và giữ vững an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long.

Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị, đoàn thể: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh để tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng bền vững và phát triển mạnh mẽ.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thay đổi thành viên HĐQT:

Thực hiện Quyết định số 682/QĐ-TKV ngày 26/4/2018 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thay đổi Người đại diện phần vốn và Người đại diện của TKV trong Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin. Ngày 07/5/2018 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin đã họp phiên thứ 23 nhiệm kỳ III (2017÷2022), thống nhất để ông Phạm Trung Tuấn thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và thôi tham gia HĐQT Công ty cổ phần than Hà Tu - Vinacomin. Đồng thời HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Tốt - Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam tại Công ty giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty thay ông Phạm Trung Tuấn. Tại cuộc họp này Hội đồng quản trị đã bầu ông Nguyễn Trọng Tốt giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty, kể từ ngày 07/5/2018.

b. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:

- Ông Nguyễn Trọng Tốt; Chủ tịch HĐQT - Người đại diện của TKV;
- Ông Vũ Hồng Cẩm; Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành;
- Ông Nguyễn Hồng Sơn; Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc;
- Ông Ong Thế Minh; Thành viên HĐQT - Chủ tịch Công đoàn Công ty;

- Ông Nguyễn Việt Thanh; Thành viên HĐQT - Bí thư Đảng bộ Công ty;

Trong 05 thành viên HĐQT có 02 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý của Công ty và 03 là thành viên HĐQT không điều hành. Các Thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

c. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

d. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 30 phiên bằng hình thức họp trực tiếp và gián tiếp, Hội đồng quản trị đã ban hành 26 Nghị quyết và 43 quyết định quan trọng để chỉ đạo về các lĩnh vực SXKD của Công ty. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

e. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Trong HĐQT của Công ty có 03 thành viên HĐQT không điều hành. Các thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và được giao nhiệm vụ trách nhiệm theo dõi các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp năng lực trình độ chuyên môn được đào tạo của mỗi người. Cả 03 thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.

f. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có.

g. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị trong năm:

Trong năm 2018 có một số thành viên HĐQT đã tham gia các lớp về quản trị Công ty được tổ chức tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam như:

- Ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT;
- Ông Vũ Hồng Cẩm - Thành viên HĐQT - Giám đốc;
- Ông Ong Thế Minh - Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc.

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của BKS:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Số buổi họp tham dự 2018 |
|-----|------------------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Bà Trịnh Thị Bích Ngọc | Trưởng ban | 0 | 5 |
| 2 | Ông Lương Xuân Hùng | Ủy viên | 0 | 5 |
| 3 | Bà Phạm Thị Lan Hương | Ủy viên | 0 | 5 |

b. Hoạt động của BKS:

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện tốt chức năng của mình, như: Giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác Kế toán, Thống kê và lập báo cáo tài chính;

Thẩm định báo cáo tài chính sáu tháng, báo cáo tài chính năm và tình hình kinh doanh của Công ty, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Quỹ lương của Viên chức quản lý năm 2018 được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phê duyệt gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng BKS chuyên trách và Kế toán trưởng là: 2.775.600.000^d

- Thù lao của HĐQT và BKS năm 2017 là: 367.920.000 đồng, trong đó
+ 05 thành viên HĐQT của Công ty: 271.920.000 đồng.
+ 02 thành viên Ban kiểm soát của Công ty: 96.000.000 đồng.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018 có 02 trường hợp giao dịch của Người nội bộ Công ty với số lượng giao dịch là 29.648 cổ phiếu. (Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2018 Công ty thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị Công ty. Hội đồng quản trị Công ty đã bổ nhiệm Người quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: (Tại báo cáo kiểm toán độc lập số 240219.001/BCTC.QN ngày 24/02/2019 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC)

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã thực hiện công bố thông tin và gửi báo cáo tài chính đã kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Đồng thời Công ty đã đăng tải Báo cáo tài chính 2018 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: www.hatucoal.vn ở mục "Quan hệ cổ đông\Báo cáo tài chính".

Công ty xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Phòng CV đăng trên Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty. *đ*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Tốt

TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH*(Bao gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng)***1) Lý lịch của Giám đốc điều hành Vũ Hồng Cẩm.**

- Họ và tên: VŨ HỒNG CẨM
- Giới tính: nam nữ;
- Số CMND: 100522556; Ngày cấp: 15/7/2009; Nơi cấp: Quảng Ninh;
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 19 tháng 4 năm 1970;
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Ái Quốc – huyện Nam Sách – tỉnh Hải Dương;
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu 4C, phường Hồng Hải, Hạ Long, QN.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 033.3835.383
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/1996÷8/1997 Công nhân C.Trường xúc Vía 16 mỏ than Hà Tu;
 - + Từ 09/1997÷4/2000 Nhân viên Phòng Kỹ thuật mỏ - Mỏ than Hà Tu;
 - + Từ 5/2000÷11/2000 Phó quản đốc, Công trường Than-Mỏ than Hà Tu;
 - + Từ 12/2000÷6/2001 Phó quản đốc C.Trường Vía Tự-C.Ty than Hà Tu;
 - + Từ 7/2001÷8/2002 Quản đốc C.Trường Xúc – C.Ty than Hà Tu;
 - + Từ 9/2002÷12/2005 Quản đốc C.Trường Vía Trụ - C.Ty than Hà Tu;
 - + Từ 01/2006÷01/2011 Trưởng phòng ĐKSX – C.Ty CP than Hà Tu;
 - + Từ 02/2011÷05/2011 Trợ lý Giám đốc C.Ty CP than Hà Tu;
 - + Từ 06/2011 ÷ 31/12/2016 Phó Giám đốc Công ty;
 - + Từ 01/01/2017 đến nay Giám đốc điều hành Công ty CP Than Hà Tu.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT khoá III (2017-2022) - Giám đốc Công ty CP than Hà Tu - Vinacomin;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Bí Thư Đảng bộ;
- Số cổ phần đang nắm giữ: Không có;
- Trong đó: Sở hữu cá nhân: Không có;
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không có;
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có;
- Nêu rõ tên và quan hệ của người có liên quan: Không có;
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có.

2) Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Hồng Sơn.

- Họ và tên: NGUYỄN HỒNG SƠN
- Giới tính: nam nữ
- Số CMND: 100993343; Ngày cấp: 01/4/2005; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1959;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hương Sơn – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Phường Hồng Hải - TP Hạ Long – Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 0915502953
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác lộ thiên
- Quá trình công tác:
 - + Từ T4/1983÷7/1985: Kỹ thuật viên C.Trường min – Mỏ than Hà Tu;
 - + Từ T8/1985÷02/1989: Phó Quản đốc C.Trường min – Mỏ than Hà Tu;
 - + Từ T3/1989÷6/1992: Phó phòng Kỹ thuật – Mỏ than Hà Tu;
 - + Từ T7/1992÷7/1993: Trưởng phòng Kỹ thuật – Mỏ than Hà Tu;
 - + Từ T8/1993÷5/1995: Trưởng phòng KCS – Mỏ than Hà Tu;
 - + Từ T6/1995÷02/2019: Phó Giám đốc C.Ty CP than Hà Tu-Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT khoá III (2017-2022) - Phó giám đốc C.Ty CP than Hà Tu – Vinacomin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không;
- Số cổ phần đang nắm giữ: 2.862 cổ phần;
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 2.862 cổ phần;
+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Nêu rõ tên và quan hệ của người có liên quan: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

3) Lý lịch của Phó Giám đốc Trần Quốc Toàn.

- Họ và tên: TRẦN QUỐC TOÀN
- Giới tính: nam nữ
- Số CMND: 100711050; Ngày cấp: 11/5/2015; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Ngày tháng năm sinh: 06/11/1978;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Xã Cương Chính, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, Khu 10, Phường Hồng Hải - Hạ Long - Quảng Ninh
- Số điện thoại liên lạc: 0916549666; Email: Toandksx@gmail.com
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ;
- Quá trình công tác (Từ 18 tuổi đến nay):
 - + Từ 9/1996÷6/2001 Sinh viên - Trường Đại học mỏ địa chất;
 - + Từ 11/2001÷10/2004 Nhân viên phòng Kỹ thuật - Công ty Than Hà Tu;
 - + Từ 11/2004÷5/2009 Phó Quản đốc Công trường - Công ty Than Hà Tu;
 - + Từ 5/2009÷3/2011 Phó phòng Điều khiển sản xuất - Công ty Than Hà Tu;
 - + Từ 4/2011÷01/2018 Tr. Phòng Điều khiển sản xuất - Công ty Than Hà Tu;
 - + Từ 02/2018 đến nay Phó Giám đốc - Công ty CP than Hà Tu.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Phó giám đốc - Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin.
 - + Giám đốc điều hành mỏ theo giấy phép khai thác số 2575/GP-BTNMT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu.
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu;
 - + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.



4) Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Quang Quảng.

- Họ và tên: NGUYỄN QUANG QUẢNG
- Giới tính: nam nữ
- Số CMND: 013376503; Ngày cấp: 09/02/2011; Nơi cấp: CA Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 04/12/1980;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Nơi sinh: Nhân Thắng, Gia Bình, Bắc Ninh. .
- Địa chỉ thường trú: P1611 toà C, Chung cư Golden Land, 275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0904606757; Email: Quangnq@vinacomin.vn
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh doanh và quản lý
- Quá trình công tác (từ 18 tuổi đến nay):
 - + Từ 9/1998÷7/2002 Sinh viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
 - + Từ 8/2002÷12/2002 Nhân viên phòng Kế hoạch, Phân xưởng Lộ Thiên
- Xí nghiệp Than Bình Minh thuộc Công ty Than Quảng Ninh
 - + Từ 1/2003÷8/2007 Nhân viên phòng Kế hoạch - Công ty than Hạ Long.
 - + Từ 8/2007÷5/2008 Phó phòng Kế hoạch vật tư - Công ty than Hạ Long.
 - + Từ 6/2008÷6/2011 Chuyên viên Ban Kế hoạch - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
 - + Từ 7/2011 – 02/2018 Phó Ban Kế hoạch - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
 - + Từ 3/2018 đến nay Phó giám đốc - Công ty cổ phần than Hà Tu.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Kinh tế - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần;
+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

↗

5) Lý lịch của Phó Giám đốc Đặng Văn Tĩnh

- Họ và tên: ĐẶNG VĂN TĨNH
- Giới tính: nam nữ
- Số CMND: 100632259; Ngày cấp: 25/7/2003; Nơi cấp: CA Quảng Ninh.
- Ngày tháng năm sinh: 02/5/1975;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đông Vinh – Đông Hưng – Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 30D khu 2B, P.Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh.
- Số điện thoại liên lạc: 033 3835654.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: 1. Kỹ sư chế tạo máy;
2. Cử nhân quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 02/1998÷12/1998 Công nhân XN cơ khí ô tô Quảng Ninh;
 - + Từ 01/1999÷6/1999 Nhân viên XN cơ khí ô tô Quảng Ninh;
 - + Từ 7/1999÷12/2000 Quản đốc Xưởng I - XN cơ khí ô tô QN;
 - + Từ 01/2001÷12/2005 T.Phòng kinh doanh - XN cơ khí ô tô QN;
 - + Từ 01/2006÷3/2006 Quản đốc X I C.Ty CP cơ khí Giao thông QN;
 - + Từ 4/2006÷6/2007 Nhân viên phòng Vận tải - Công ty than Hà Tu;
 - + Từ 7/2007÷12/2008 Phó quản đốc Xe 11 - Công ty CP than Hà Tu;
 - + Từ 01/2009÷12/2009 Quản đốc Xe 11 - Công ty CP than Hà Tu.
 - + Từ 01/2010÷8/2012 Trưởng phòng Vận tải - Công ty CP than Hà Tu.
 - + Từ 09/2012 Đến nay Phó giám đốc Công ty cổ phần Than Hà Tu –

Vinacomin;

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng uỷ, Ủy viên BCH Công đoàn Công ty.
- Số cổ phần đang nắm giữ: không.
- Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: không;
 - + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.



6) Lý lịch của Kế toán trưởng Hà Thị Diệp Anh.

- Họ và tên: HẠ THỊ DIỆP ANH
- Giới tính: nam nữ
- Số CMND: 100592091; Ngày cấp: 1/4/2005; Nơi cấp: Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 29/7/1972
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Thụy -Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4 khu 4D Hồng Hải - Tp Hạ Long - Quảng Ninh
- Số điện thoại liên lạc: 0915512855
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 10/1991÷8/1992 Lao động công trường than 3-Mỏ than Hà Tu;
 - + Từ 9/1992÷10/1999 nhân viên thống kê đội xe 10-Mỏ Than Hà tu;
 - + Từ 11/1999÷1/2006 Nhân viên phòng kế toán thống kê - Công ty CP Than Hà Tu;
 - + Từ 2/2006÷11/2014 Phó phòng Kế toán thống kê - Công ty CP than Hà tu;
 - + Từ 11/2014 đến nay Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Than Hà Tu.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế Toán Trưởng;
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không;
- Số cổ phần đang nắm giữ: 29.040 cp;
- Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 29.040 cp;
+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không;
- Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có;
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

**GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
ĐỐI VỚI CỦA PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT**

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..) |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Trịnh Thị Bích Ngọc | Trưởng Ban Kiểm soát | 25.000 | 0,1 | 0 | 0 | Cơ cấu lại danh mục đầu tư |
| 2 | Phạm Thị Lan Hương | Thành viên BKS | 4.680 | 0,001 | 0 | 0 | Cơ cấu lại danh mục đầu tư |


